

Số: /XN-UBND

Thanh Hoá, ngày tháng năm 2021

BẢN XÁC NHẬN

Khu vực, công suất, khối lượng, phương pháp, thiết bị và kế hoạch khai thác khoáng sản vật liệu xây dựng thông thường trong diện tích dự án xây dựng công trình “Tiểu dự án đầu tư tu bổ, nâng cấp đê điều năm 2020, tỉnh Thanh Hóa thuộc dự án Cấp bách, xung yếu đê điều, phòng chống thiên tai giai đoạn 2016 - 2020”

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật khoáng sản số 60/2010/QH12 ngày 17 tháng 11 năm 2010;

Căn cứ Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29 tháng 11 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật khoáng sản.

Căn cứ Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26/12/2016; Thông tư số 51/2017/TT-BTNMT ngày 30/11/2017 của Bộ Tài nguyên và Môi trường bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26/12/2016 quy định về đề án thăm dò khoáng sản, đóng cửa mỏ khoáng sản và mẫu báo cáo kết quả hoạt động khoáng sản, mẫu văn bản trong hồ sơ cấp phép hoạt động khoáng sản, hồ sơ phê duyệt trữ lượng khoáng sản, hồ sơ đóng cửa mỏ khoáng sản;

Xét đề nghị của Tổng Công ty Xây dựng nông nghiệp và Phát triển nông thôn Thanh Hóa-CTCP tại Bản đăng ký khu vực, công suất, khối lượng, phương pháp, thiết bị và kế hoạch khai thác khoáng sản vật liệu xây dựng thông thường trong diện tích dự án xây dựng công trình “Tiểu dự án đầu tư tu bổ, nâng cấp đê điều năm 2020, tỉnh Thanh Hóa thuộc dự án Cấp bách, xung yếu đê điều, phòng chống thiên tai giai đoạn 2016-2020” ngày 30 tháng 12 năm 2020 tại xã Quang Lộc, huyện Hậu Lộc;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường Thanh Hóa tại Công văn số 389/STNMT-TNKS ngày 18/01/2020.

XÁC NHẬN:

1. Khu vực khai thác khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường (đất san lấp) trong diện tích dự án xây dựng công trình “Tiểu dự án đầu tư tu bổ, nâng cấp đê điều năm 2020, tỉnh Thanh Hóa thuộc dự án Cấp bách, xung yếu đê điều, phòng chống thiên tai giai đoạn 2016-2020” của Tổng Công ty Xây dựng nông nghiệp và Phát triển nông thôn Thanh Hóa-CTCP có diện tích 1,35 ha tại

xã Quang Lộc, huyện Hậu Lộc được giới hạn bởi các điểm khép góc từ VL1 đến VL9 có tọa độ nêu tại Phụ lục số 01 kèm theo.

2. Khối lượng được phép khai thác: 70.000 m³;
3. Mức sâu khai thác: Đến cos +5 m (cao độ thấp nhất của khu vực khai thác);
4. Kế hoạch khai thác: Theo Phương án khai thác.
5. Thiết bị khai thác: Theo Phương án khai thác.
6. Thời gian khai thác: Kể từ ngày Bản xác nhận này có hiệu lực đến hết ngày 31/5/2021.

7. Tổng Công ty Xây dựng nông nghiệp và Phát triển nông thôn Thanh Hóa-CTCP có trách nhiệm:

- Nộp tiền cấp quyền khai thác khoáng sản trước khi tổ chức khai thác và các nghĩa vụ tài chính liên quan theo quy định của pháp luật.
- Khai thác khoáng sản theo đúng khối lượng, công suất, kế hoạch, phương pháp nêu trên;
- Thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường, đất đai khu vực khai thác, hoàn phục các công trình bị xuống cấp do khai thác, vận chuyển đất theo quy định.

8. UBND huyện Hậu Lộc có trách nhiệm:

Giám sát việc thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường của Tổng Công ty Xây dựng nông nghiệp và Phát triển nông thôn Thanh Hóa-CTCP theo quy định./.

Nơi nhận:

- Tổng Cục ĐC&KS (b/c);
- Chủ tịch UBND tỉnh (b/c);
- Các Sở: TN&MT, Nông nghiệp;
- UBND huyện Hậu Lộc;
- UBND xã Quang Lộc;
- Tổng Công ty Xây dựng nông nghiệp và Phát triển nông thôn Thanh Hóa-CTCP;
- Lưu VT, CN.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Lê Đức Giang

**TỌA ĐỘ KHU VỰC ĐĂNG KÝ KHAI THÁC ĐẤT PHỤC VỤ DỰ ÁN XÂY
DỰNG CÔNG TRÌNH “TIÊU DỰ ÁN ĐẦU TƯ TƯ BỔ, NÂNG CẤP ĐÊ ĐIỀU
NĂM 2020, TỈNH THANH HÓA THUỘC DỰ ÁN CẤP BÁCH, XUNG YẾU
ĐÊ ĐIỀU, PHÒNG CÔNG THIÊN TẠI GIAI ĐOẠN 2016-2020”**

*(Phụ lục kèm theo Bản xác nhận số /XN-UBND
ngày tháng năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thanh Hóa)*

Điểm góc	Hệ tọa độ VN-2000 <i>Kinh tuyến trục 105, múi chiếu 3⁰</i>	
	X (m)	Y (m)
VL1	2208 594.82	595 989.46
VL2	2208 512.17	595 975.58
VL3	2208 440.79	595 946.22
VL4	2208 441.47	595 876.48
VL5	2208 466.35	595 863.20
VL6	2208 470.68	595 891.19
VL7	2208 529.61	595 880.97
VL8	2208 530.71	595 865.43
VL9	2208 572.72	595 908.33
Diện tích khu vực khai thác: 1,35 ha		